

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 04, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 04, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 22/12/2012 chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thuý, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo quý, mỗi quý 01 lần, kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Minh T đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng đã tự thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Minh T đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp án phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000622 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p. Mỹ Lâm, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

